

Bản án số: 16/2026/HNGĐ - ST

Ngày 26-3-2026

V/v “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Chính và ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lò Kim Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tẩn San M, sinh năm 19xx.

Bị đơn: Anh Tẩn Láo L, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2026, bản tự khai ngày 26 tháng 01 năm 2026 và đơn đề nghị ngày 06 tháng 3 năm 2026 của nguyên đơn chị Tẩn San M trình bày: Chị Tẩn San M và anh Tẩn Láo L tự nguyện kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 20xx, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lở không quan tâm chia sẻ trách nhiệm. Từ năm 2019, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên anh chị không sống chung, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lở.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Tẩn San M xác định chị và anh Tẩn Láo L có 02 con chung, cháu Tẩn Kim Ng, sinh ngày 11 tháng 12 năm 20xx và cháu Tẩn Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 20xx. Đề nghị Tòa án giải

quyết giao cả hai cháu Tần Kim Ng và Tần Trí D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung cháu Tần Kim Ng và Tần Trí D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng thì chị đề nghị được cấp dưỡng cho cháu Tần Trí D hàng tháng số tiền là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị Tần San M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 01 năm 2026 và đơn đề nghị ngày 17 tháng 3 năm 2026 của anh Tần Láo L, trình bày: Anh Tần Láo L thừa nhận chị Tần San M trình bày về thời gian anh và chị đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến khi thời gian mâu thuẫn là đúng, nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng có phần lỗi do chị M sống không chung thủy, bỏ nhà đi không về từ năm 2019 đến nay. Anh không nhất trí ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm với chị M và mong muốn chị M về chung sống để nuôi con. Đến ngày 17 tháng 3 năm 2026, anh L xác định không còn tình cảm nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh Tần Láo L xác định anh và chị Tần San M xác định có 02 con chung là cháu Tần Kim Ng, sinh ngày 11 tháng 12 năm 20xx và cháu Tần Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 20xx. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu Tần Kim Ng và cháu Tần Trí D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Tần San M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Anh Tần Láo L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tần San M như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tần San M được ly hôn anh Tần Láo L.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Tần Kim Ng, sinh ngày 11 tháng 12 năm 20xx và cháu Tần Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 20xx cho anh Tần Láo L quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tần San M hàng tháng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho cháu Tần Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuyên quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tẩn San M khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Tẩn Láo L, có địa chỉ thôn K, xã M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về việc thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực. Xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai. Anh Tẩn Láo L và chị Tẩn San M có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn San M và anh Tẩn Láo L tự nguyện kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị M, anh L đều thừa nhận sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lở, chị Mấy thiếu quan tâm trách nhiệm đến nhau, dẫn đến đến chị M bỏ nhà đi không về, đến nay. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Mấy, đề nghị được đoàn tụ gia đình để tạo cơ hội cho chị M cùng anh nuôi dạy con chung. Đến ngày 17 tháng 3 năm 2026, anh L xác định không còn tình cảm với chị Mấy và nhất trí ly hôn.

Từ nội dung nêu trên, anh L và chị M đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, nhiều năm vợ chồng không sống chung, hôn nhân không hạnh phúc điều đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Tẩn San M và anh Tẩn Láo L xác định có 02 con chung, cháu Tẩn Kim Ng, sinh ngày 11 tháng 12 năm 20xx và cháu Tẩn Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 20xx. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian từ năm 2019, vợ chồng anh Lở và chị M không sống chung nhưng anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến nay và các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh Lở. Chị M nhất trí giao cả hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, nên có căn cứ giao các cháu cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo các cháu ổn định sinh sống và học tập.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tẩn Láo L không đề nghị chị Tẩn San M cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị M có nguyện vọng đề nghị được cấp dưỡng nuôi con cho cháu Tẩn Trí D hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của người mẹ trách nhiệm đến việc nuôi dưỡng, đồng thời đảm bảo quyền được của người con được cha mẹ quan tâm,

chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên chấp nhận yêu cầu của chị M về việc cấp dưỡng nuôi cháu Tẩn Trí D hàng tháng số tiền là 4.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị Tẩn San M và anh Tẩn Láo L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tẩn San M phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tẩn San M như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn San M được ly hôn anh Tẩn Láo L. Quan hệ hôn nhân của chị Tẩn San M và anh Tẩn Láo L được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Tẩn Kim Ng, sinh ngày 11 tháng 12 năm 20xx và cháu Tẩn Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 20xx cho anh Tẩn Láo L quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tẩn San M hàng tháng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng nuôi cháu Tẩn Trí D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải cấp dưỡng cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Tẩn San M phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, tổng cộng số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Tần San M đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000316 ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Như vậy, chị Tần San M phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà